

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2025 ĐẾN 30/6/2025

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo tài chính đã soát xét	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	8 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	13 – 68

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

- * Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | |
|----|------------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | |
|----|------------------------|------------|
| 1. | Bà Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|----|----------------------------|--|
| 1. | Bà Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |
| 5. | Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |
| 6. | Ông Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |

Bà Phạm Thị Băng Trang được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 08/NQ-HĐQT ngày 18/6/2025.

Bà Bùi Kim Nga, Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân, Ông Trần Tấn Tới được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 07/NQ-HĐQT ngày 18/6/2025.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 68.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * **Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 0407.01-02/2025/BCSX-NTV.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 08 đến trang 68, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 0486-2023-124-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.230.369.627.261	6.043.911.827.548
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.613.309.327.411	1.309.974.148.970
111	1. Tiền		653.829.327.411	646.915.148.970
112	2. Các khoản tương đương tiền		959.480.000.000	663.059.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		38.246.000.000	3.298.400.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	38.246.000.000	3.298.400.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.806.583.285.476	1.916.513.887.891
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.578.932.338.031	1.723.383.649.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.640.547.446	16.693.258.448
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	225.859.100.377	182.285.680.725
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(5.848.700.378)	(5.848.700.378)
140	IV. Hàng tồn kho		2.733.647.118.130	2.728.881.341.813
141	1. Hàng tồn kho	V.7	2.733.647.118.130	2.728.881.341.813
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.583.896.244	85.244.048.874
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	9.898.963.430	12.028.981.475
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	28.144.028.822	72.323.879.941
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	540.903.992	891.187.458
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.944.397.838.738	3.016.921.691.001
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		41.044.879.445	54.229.508.185
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.11	-	13.184.628.740
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.12	41.044.879.445	41.044.879.445
220	II. Tài sản cố định		1.525.372.935.687	1.569.612.230.872
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.13	1.200.575.894.693	1.241.177.212.878
222	- Nguyên giá		2.393.084.395.553	2.407.539.659.173
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.192.508.500.860)	(1.166.362.446.295)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.14	324.797.040.994	328.435.017.994
228	- Nguyên giá		435.411.021.334	435.729.203.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(110.613.980.340)	(107.294.185.159)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.15	174.151.490.134	175.414.839.740
231	- Nguyên giá		226.352.419.154	226.352.419.154
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.200.929.020)	(50.937.579.414)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		634.277.468.502	613.897.374.229
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.16	38.585.073.614	37.973.870.280
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.17	595.692.394.888	575.923.503.949
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		358.877.834.920	351.642.761.899
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.18	358.877.834.920	351.642.761.899
260	VI. Tài sản dài hạn khác		210.673.230.050	252.124.976.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.19	210.673.230.050	252.124.976.076
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.174.767.465.999	9.060.833.518.549

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.295.991.026.247	6.216.927.011.090
310	I. Nợ ngắn hạn		5.993.754.544.850	5.900.145.989.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.20	693.793.495.009	1.013.548.099.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.21	7.989.282.685	1.171.488.759
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.22	259.099.029.777	225.784.059.748
314	4. Phải trả người lao động		11.791.013.990	19.446.367.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.23	2.815.671.958	7.290.328.193
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.24	36.970.520.653	315.997.277.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.25	4.541.462.254.155	3.878.595.438.512
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.26	48.586.710.505	47.454.734.683
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.27	391.246.566.118	390.858.195.308
330	II. Nợ dài hạn		302.236.481.397	316.781.021.901
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.28	22.024.200.000	22.024.200.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.29	225.428.623.355	231.504.745.859
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.30	22.303.535.042	23.012.613.042
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.31	32.480.123.000	40.239.463.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.878.776.439.752	2.843.906.507.459
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.32	2.878.776.439.752	2.843.906.507.459
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.32.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.32.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.32.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.32.4	37.444.055.151	32.530.533.229
421	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.32.5	129.491.104.677	107.572.856.881
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		91.603.709.557	44.562.905.774
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		37.887.395.120	63.009.951.107
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.32.6	371.327.503.518	363.289.340.943
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.174.767.465.999	9.060.833.518.549

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.273.387.931.177	10.288.549.769.390
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.33	10.273.387.931.177	10.288.549.769.390
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.34	9.875.894.529.584	9.928.672.125.149
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		397.493.401.593	359.877.644.241
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.35	22.278.492.694	16.664.641.679
22	7. Chi phí tài chính	VI.36	144.686.443.026	126.378.650.236
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		109.126.371.859	93.730.370.485
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.37	13.533.632.498	7.038.717.571
25	9. Chi phí bán hàng	VI.38	147.694.942.201	155.671.090.730
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.39	89.843.485.836	49.135.963.446
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.080.655.722	52.395.299.079
31	12. Thu nhập khác	VI.40	6.237.704.702	9.627.940.659
32	13. Chi phí khác	VI.41	4.710.126.325	3.062.052.977
40	14. Lợi nhuận khác		1.527.578.377	6.565.887.682
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.608.234.099	58.961.186.761
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.42	6.682.676.404	6.130.072.285
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		45.925.557.695	52.831.114.476
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		37.887.395.120	46.251.397.476
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.43	8.038.162.575	6.579.717.000
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.44	153	184
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.44	153	184

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52.608.234.099	58.961.186.761
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.13;14;15	50.785.937.297	48.855.045.950
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.460.685.460)	(11.185.482.559)
06	- Chi phí lãi vay	VI.36	109.126.371.859	93.730.370.485
07	- Các khoản điều chỉnh khác		4.131.697.810	452.718.841
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		191.191.555.605	190.813.839.478
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		73.252.029.106	(330.762.315.242)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.376.979.651)	(66.009.512.526)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(487.096.353.562)	758.139.936.977
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.581.764.071	(16.563.341.174)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(113.203.741.180)	(101.670.984.631)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.22	(7.600.051.864)	(32.432.912.762)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.368.417.103)	(15.809.023.020)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(312.620.194.578)	385.705.687.100
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(110.080.582.758)	(63.282.068.959)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		91.583.053.948	25.032.026.498
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(38.246.000.000)	(90.798.400.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.298.400.000	72.886.416.400
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.109.816.263	4.531.774.970
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.335.312.547)	(51.630.251.091)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.25	11.366.478.790.764	9.564.312.399.761
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.25;31	(10.707.118.751.813)	(10.104.054.003.149)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.069.353.385)	(8.143.375.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		651.290.685.566	(547.884.978.388)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		303.335.178.441	(213.809.542.379)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.309.974.148.970	1.446.850.161.071
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.613.309.327.411	1.233.040.618.692

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:**

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7. Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9. Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12. Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15. Hệ thống 22 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	480.000.000.000	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Trồng rừng, trồng cây lâu năm, chăn nuôi... các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông lâm nghiệp	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 30/6/2025 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	-	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381	25.242.423.594	590.987.539.787		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.
- Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

2-003
H
T
H
M
N
T

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.
- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài, Giấy phép xả nước thải và phần mềm máy vi tính, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế.
- QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Giấy phép xả nước thải	10
+ Phần mềm máy vi tính	10

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

- Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).
- Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.
- Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.
- Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ Lợi ích cổ đông không kiểm soát

- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.



20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi trên cổ phiếu

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).
- *Lãi suy giảm trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

23. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

		ĐVT: Đồng	
		Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		15.305.078.680	75.184.860.614
- Tiền gửi ngân hàng (*)		638.524.248.731	571.730.288.356
- Các khoản tương đương tiền (**)		959.480.000.000	663.059.000.000
Cộng		1.613.309.327.411	1.309.974.148.970
(*) Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ		USD 35,372.56	USD 39,105.86
(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng TMCP.			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		38.246.000.000	3.298.400.000
Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP.			
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu		1.099.925.282.551	1.162.006.924.062
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản		293.014.427.566	335.484.701.646
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác		185.992.627.914	225.892.023.388
Cộng		1.578.932.338.031	1.723.383.649.096
Trong đó số dư với Bên liên quan:			
+ Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S		1.066.734.262	1.482.546.466
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD		8.478.000	5.971.821.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.605.895.729	3.212.082.539
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	2.178.121.768	8.529.647.029
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	3.856.529.949	4.951.528.880
Cộng	7.640.547.446	16.693.258.448

5. Phải thu ngắn hạn khác

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	41.007.586.357	69.087.331.615
- Tạm ứng	59.911.831.711	59.143.481.082
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	555.770.050	555.770.050
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	540.414.246	4.051.097.315
- Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S (*)	61.504.550.000	-
- Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu	61.035.130.597	47.912.838.989
- Các đối tượng khác	1.303.817.416	1.535.161.674
Cộng	225.859.100.377	182.285.680.725

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30/6/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN DVTM Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	5.933.757.169	(5.848.700.378)	5.933.757.169	(5.848.700.378)

7. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Hàng mua đang đi đường	996.621.918.493	666.260.790.567
- Nguyên liệu, vật liệu	69.553.213.023	69.916.950.229
- Công cụ, dụng cụ	371.289.680	438.815.041
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.818.576.545	124.950.000
- Thành phẩm	512.121.091.291	504.480.708.740
- Hàng hoá	1.150.161.029.098	1.487.659.127.236
Cộng	2.733.647.118.130	2.728.881.341.813

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công cụ dụng cụ	4.089.203.539	992.773.476	(2.469.757.569)	2.612.219.446
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa,	7.939.777.936	10.715.280.566	(11.368.314.518)	7.286.743.984
Cộng	12.028.981.475	11.708.054.042	(13.838.072.087)	9.898.963.430

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
9. Thuế GTGT được khấu trừ	28.144.028.822	72.323.879.941

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

10. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	215.551.740	215.551.740
- Thuế Thu nhập cá nhân	325.352.252	668.878.716
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	6.757.002
Cộng	540.903.992	891.187.458

11. Trả trước cho người bán dài hạn	-	13.184.628.740
--	----------	-----------------------

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

12. Phải thu dài hạn khác

- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	21.033.179.445	21.033.179.445
- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các đối tượng khác	11.700.000	11.700.000
Cộng	41.044.879.445	41.044.879.445

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

13. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2025	1.640.675.164.149	297.957.647.966	457.369.696.404	7.505.489.350	4.031.661.304	2.407.539.659.173
Tăng trong kỳ	2.288.117.168	254.600.000	5.472.575.453	-	640.480.500	8.655.773.121
Thanh lý, nhượng bán	(1.963.677.466)	(897.814.452)	(20.219.073.943)	(30.470.880)	-	(23.111.036.741)
Ngày 30/6/2025	1.640.999.603.851	297.314.433.514	442.623.197.914	7.475.018.470	4.672.141.804	2.393.084.395.553
Giá trị hao mòn						
Ngày 01/01/2025	703.261.987.877	143.950.069.281	310.774.335.488	5.258.848.754	3.117.204.895	1.166.362.446.295
Khấu hao trong kỳ	19.601.659.367	12.202.554.061	13.601.230.303	243.080.962	236.085.998	45.884.610.691
Thanh lý, nhượng bán	(1.886.213.005)	(820.696.562)	(17.002.357.471)	(29.289.088)	-	(19.738.556.126)
Ngày 30/6/2025	720.977.434.239	155.331.926.780	307.373.208.320	5.472.640.628	3.353.290.893	1.192.508.500.860
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2025	937.413.176.272	154.007.578.685	146.595.360.916	2.246.640.596	914.456.409	1.241.177.212.878
Ngày 30/6/2025	920.022.169.612	141.982.506.734	135.249.989.594	2.002.377.842	1.318.850.911	1.200.575.894.693
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Ngày 01/01/2025	17.847.066.538	36.466.582.470	112.216.692.180	1.603.912.217	1.738.604.003	169.872.857.408
Ngày 30/6/2025	16.403.960.272	38.483.958.681	105.424.069.445	1.603.912.217	1.738.604.003	163.654.504.618

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

14. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính	Giấy phép và GP nhượng quyền [b]	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Ngày 01/01/2025	434.133.674.334	1.277.347.000	318.181.819	435.729.203.153
Giảm trong kỳ	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Ngày 30/6/2025	434.133.674.334	1.277.347.000	-	435.411.021.334
Giá trị hao mòn				
Ngày 01/01/2025	106.323.691.309	652.312.031	318.181.819	107.294.185.159
Khấu hao trong kỳ	3.531.637.644	106.339.356	-	3.637.977.000
Giảm trong kỳ	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Ngày 30/6/2025	109.855.328.953	758.651.387	-	110.613.980.340
Giá trị còn lại				
Ngày 01/01/2025	327.809.983.025	625.034.969	-	328.435.017.994
Ngày 30/6/2025	324.278.345.381	518.695.613	-	324.797.040.994

- [a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

15. Bất động sản đầu tư

Nhóm BDS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Chỉ tiêu					
Nguyên giá					
Ngày 01/01/2025	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	226.352.419.154
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Ngày 30/6/2025	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	226.352.419.154
Giá trị hao mòn					
Ngày 01/01/2025	21.231.616.449	7.904.639.418	9.552.332.452	12.248.991.095	50.937.579.414
Khấu hao trong kỳ	261.510.738	222.062.826	656.259.408	123.516.634	1.263.349.606
Ngày 30/6/2025	21.493.127.187	8.126.702.244	10.208.591.860	12.372.507.729	52.200.929.020
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2025	134.506.799.606	14.582.125.658	24.719.104.392	1.606.810.084	175.414.839.740
Ngày 30/6/2025	134.245.288.868	14.360.062.832	24.062.844.984	1.483.293.450	174.151.490.134

[a] Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ hiện nay là Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Diện tích đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán là 6.786,70 m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

[b] Nhà cửa, vật kiến trúc tại Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	18.742.131.813	18.130.928.479
Cộng	38.585.073.614	37.973.870.280

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.340.838.969	171.225.638.972
- Cải tạo Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	42.083.735.588	41.675.730.866
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	44.687.896.680	31.496.511.606
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	3.792.009.259	5.553.919.197
- Khu Kho Cảng An Sơn	308.555.688.229	301.753.552.285
- Các công trình, dự án khác	25.232.226.163	24.218.151.023
Cộng	595.692.394.888	575.923.503.949

18. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

18.1 Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	302.084.038.027	292.232.608.749
18.2 Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	56.793.796.893	59.410.153.150
Cộng	358.877.834.920	351.642.761.899

18.1 Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

18.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư	256.458.010.136	37.937.734.355	294.395.744.491
Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
- Ngày 01/01/2025	35.774.598.613	21.472.418.795	57.247.017.408
- Lợi nhuận trong kỳ	11.280.074.485	2.253.558.013	13.533.632.498
- Phân phối lợi nhuận trong năm	(1.428.645.207)	(4.869.914.270)	(6.298.559.477)
+ <i>Nhận cổ tức</i>	-	(3.743.327.000)	(3.743.327.000)
+ <i>Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác</i>	(1.428.645.207)	(1.126.587.270)	(2.555.232.477)
- Ngày 30/6/2025	45.626.027.891	18.856.062.538	64.482.090.429
Giá trị khoản đầu tư liên kết			
- Ngày 01/01/2025	292.232.608.749	59.410.153.150	351.642.761.899
- Ngày 30/6/2025	302.084.038.027	56.793.796.893	358.877.834.920

19. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	16.120.440.953	358.785.272	(4.430.730.165)	12.048.496.060
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	795.047.683	-	(198.761.964)	596.285.719
- Lợi thế kinh doanh bổ sung (*)	230.562.436.291	-	(38.427.072.714)	192.135.363.577
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	4.647.051.149	2.622.087.366	(1.376.053.821)	5.893.084.694
Cộng	252.124.976.076	2.980.872.638	(44.432.618.664)	210.673.230.050

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- (*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tổng Công ty dự kiến phân bổ trong thời hạn 4 năm (2024 – 2027); căn cứ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	678.132.690.754	908.586.983.892
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.021.811.244	8.350.790.155
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	7.638.993.011	96.610.325.630
Cộng	693.793.495.009	1.013.548.099.677

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.448.232.009	831.367.799
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	6.359.999.996	250.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	181.050.680	90.120.960
Cộng	7.989.282.685	1.171.488.759

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Phải nộp trong kỳ (*)	Thực nộp trong kỳ (*)	Ngày 30/6/2025
- Thuế Giá trị gia tăng	5.924.822.914	115.439.413.887	114.154.758.596	7.209.478.205
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.912.838.989	489.206.529.133	476.084.237.525	61.035.130.597
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt (*)	13.471.355.144	231.447.114.907	212.839.372.456	32.079.097.595
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.148.190.230	6.682.676.404	7.600.051.864	3.230.814.770
- Thuế Thu nhập cá nhân	468.534.181	2.354.137.128	3.042.553.279	(219.881.970)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(6.757.002)	743.338.244	736.581.242	-
- Thuế bảo vệ môi trường	152.920.487.834	870.218.125.004	868.029.646.250	155.108.966.588
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Cổ tức nộp NSNN; Phí, lệ phí, thuế khác	53.400.000	1.295.747.604	1.234.627.604	114.520.000
Cộng	224.892.872.290	1.717.387.082.311	1.683.721.828.816	258.558.125.785

Trong đó:

- Thuế phải nộp	225.784.059.748	-	259.099.029.777
- Thuế nộp thừa (Tham chiếu V.10)	(891.187.458)	-	(540.903.992)

(*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng
- * *Không kê khai thuế* : Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định, phí sử dụng đường bộ
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 8% và 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * 8% : Xăng E5 Ron 92
- * 10% : các loại xăng khác
- * 20% : hoạt động kinh doanh Gôn

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các quy định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Trích trước chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.888.423.535	1.446.878.635
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí lãi vay	-	4.084.619.349
- Trích trước chi phí tiền lương, thưởng	500.169.250	1.042.473.300
- Chi phí khác	13.714.989	302.992.725
Cộng	2.815.671.958	7.290.328.193

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

24. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Kinh phí công đoàn	467.800.046	443.340.046
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty)	119.645.755	128.944.640
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	8.143.375.000
- Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP	-	303.535.199.560
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	32.600.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	628.867.097	628.867.097
- Các khoản phải trả khác	1.776.326.955	1.739.669.967
Cộng	36.970.520.653	315.997.277.110

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Ngày 01/01/2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại nợ đến hạn	Ngày 30/6/2024
25.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	692.503.974.217	2.580.238.587.807	(2.690.069.881.567)	-	582.672.680.457
25.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bình Dương	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-
25.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	-	186.795.353.997	(104.812.268.585)	-	81.983.085.412
25.4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.127.571.799.090	2.564.192.448.454	(2.372.432.667.521)	-	1.319.331.580.023
25.5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở HCM	-	333.558.437.212	(240.964.076.992)	-	92.594.360.220
25.6	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	595.432.097.572	806.050.887.699	(833.338.940.439)	-	568.144.044.832
25.7	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	21.018.282.788	442.758.428.898	(320.767.328.086)	-	143.009.383.600
25.8	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	495.616.763.874	951.891.633.725	(993.706.667.677)	-	453.801.729.922
25.9	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	147.713.763.578	423.379.664.286	(523.952.503.150)	-	47.140.924.714
25.10	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	386.062.882.333	(386.062.882.333)	-	-
25.11	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	-	180.729.858.536	-	-	180.729.858.536
25.12	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) – CN TP HCM	182.467.060.446	960.701.352.862	(966.312.194.410)	-	176.856.218.898
25.13	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM – CN TT KD DN Lớn HCM	358.317.341.228	674.651.093.311	(703.645.367.786)	-	329.323.066.753
25.14	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	206.349.955.719	875.468.161.644	(517.547.196.575)	-	564.270.920.788
25.15	Nợ đến hạn trả Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương	1.604.400.000	-	(802.200.000)	802.200.000	1.604.400.000
Cộng		3.878.595.438.512	11.366.478.790.764	(10.704.414.175.121)	802.200.000	4.541.462.254.155

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LE ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LE ngày 14/02/2025, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/7/2025
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Hợp đồng cho vay hạn mức số 106B23 –XDBD ngày 31/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/10/2024)
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo chương trình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng bán buôn năm 2023 là 5,5%/ năm (áp dụng đến hết ngày 31/3/2024)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/83406/HĐTD ngày 12/9/2024 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thấu chi, phát hành bảo lãnh, mở L/C, nhờ thu, bao thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở TP HCM

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4365-01 ngày 20/01/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, thanh toán các loại thuế (trừ thuế TNDN), bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành L/C phục vụ hoạt động nhập khẩu, mua trong nước xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0056/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 23/8/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/8/2025
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023 và Thư gia hạn ngày 29/11/2024; cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 29/11/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 320/2024/HDTD/BDG ngày 05/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 286357.25.120.969666.TD ngày 23/4/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 06/3/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

25.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh Nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.14 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.15 Nợ dài hạn đến hạn trả Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.31) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	400.200.000	(400.200.000)	800.400.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	804.000.000	402.000.000	(402.000.000)	804.000.000
Cộng	1.604.400.000	802.200.000	(802.200.000)	1.604.400.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

26. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Ngày 01/01/2025	Trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác trong kỳ	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Quỹ khen thưởng	45.169.714.396	3.685.141.441	-	(5.022.070.301)	43.832.785.536
- Quỹ phúc lợi	266.129	3.685.141.442	-	-	3.685.407.571
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2.284.754.158	1.130.110.042	-	(2.346.346.802)	1.068.517.398
Cộng	47.454.734.683	8.500.392.925	-	(7.368.417.103)	48.586.710.505

27. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Phát sinh trong	Sử dụng trong	Ngày 30/6/2025
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	6.529.981.072	388.370.810	-	6.918.351.882
Cộng	390.858.195.308	388.370.810	-	391.246.566.118

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
28. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu kỳ	231.504.745.859	243.656.990.867
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(6.076.122.504)	(6.076.122.504)
- Số cuối kỳ	225.428.623.355	237.580.868.363

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

30. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.160.279.960	5.160.279.960
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.894.432.318	3.894.432.318
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	2.159.161.704	2.159.161.704
- Công ty CP Vacxin Việt Nam - Chi nhánh Bình	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	1.180.769.327	1.180.769.327
- Các đối tượng khác	6.405.808.453	7.114.886.453
Cộng	22.303.535.042	23.012.613.042

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Ngày 01/01/2025	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Chuyển nợ đến hạn	Ngày 30/6/2025
31.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	15.900.000.000	-	(5.300.000.000)	-	10.600.000.000
31.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	24.339.463.000	-	(1.657.140.000)	(802.200.000)	21.880.123.000
Cộng	40.239.463.000	-	(6.957.140.000)	(802.200.000)	32.480.123.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

31.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 30/6/2025 : 10.600.000.000 Đồng

Trong đó Nợ đến hạn : 10.600.000.000 Đồng
trong vòng 12 tháng

31.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Ngày 01/01/2025	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Chuyển nợ đến hạn	Ngày 30/6/2025
HĐTD số 02/2024					
- cải tạo NM XLNT Sóng Thần 1	21.819.063.000	-	(1.657.140.000)	-	20.161.923.000
HĐTD số 04/2021					
- mua 2 xe ép rác (*)	798.400.000	-	-	(400.200.000)	398.200.000
HĐTD số 01/2023					
- mua 1 xe ép rác (*)	1.722.000.000	-	-	(402.000.000)	1.320.000.000
Cộng	24.339.463.000	-	(1.657.140.000)	(802.200.000)	21.880.123.000

- (*) Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng như sau:

* **Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/5/2024** với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 23.079.393.000 Đồng
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Dư nợ 30/6/2025 : 20.161.923.000 Đồng trong đó Nợ đến hạn trả là 3.314.280.000 Đồng

* **Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021**

- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 30/6/2025 : 1.198.600.000 Đồng, trong đó Nợ đến hạn trả là 800.400.000 Đồng.

* **Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023**

- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ 30/6/2025 : 2.124.000.000 Đồng, trong đó Nợ đến hạn trả là 804.000.000 Đồng.

20384
TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
HỮU NGHỊ
TOÀN QUỐC
AM VĨ
P. HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

32. Vốn chủ sở hữu (CSH)

A	Từ 01/01/2024	Ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2024
	đến 30/6/2024				
32.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4	Quỹ đầu tư phát triển	15.757.298.185	14.358.921.851	-	30.116.220.036
32.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	146.242.168.212	46.251.397.476	(28.109.342.020)	164.384.223.668
32.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.993.499.244	6.579.717.000	-	230.573.216.244
	Cộng	2.726.506.742.047	67.190.036.327	(28.109.342.020)	2.765.587.436.354

B	Từ 01/01/2025	Ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2025
	đến 30/6/2025				
32.1	Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2	Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4	Quỹ đầu tư phát triển	32.530.533.229	4.913.521.922	-	37.444.055.151
32.5	Lợi nhuận sau thuế CPP	107.572.856.881	37.887.395.120	(15.969.147.324)	129.491.104.677
32.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	363.289.340.943	8.038.162.575	-	371.327.503.518
	Cộng	2.843.906.507.459	50.839.079.617	(15.969.147.324)	2.878.776.439.752

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

32.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 01/01/2025 (cổ phiếu)	Ngày 30/6/2025 (cổ phiếu)	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	236.600.000	100,00%

32.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

32.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Phát sinh trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	-	17.738.905.964
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	-	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	-	6.988.136.848
Cộng	25.242.423.594	-	25.242.423.594

32.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu năm	32.530.533.229	15.757.298.185
- Trích trong kỳ	4.913.521.922	14.358.921.851
- Số cuối kỳ	37.444.055.151	30.116.220.036

32.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

- Số đầu kỳ	107.572.856.881	146.242.168.212
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP kỳ trước	(2.555.232.477)	(1.976.104.251)
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(13.413.914.847)	(26.133.237.769)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(4.913.521.922)	(14.358.921.851)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(7.370.282.883)	(9.572.614.568)
+ Quỹ Khen thưởng, Thù lao Ban Điều hành	(1.130.110.042)	(2.201.701.350)
- Lợi nhuận CPP kỳ trước chuyển kỳ này	91.603.709.557	118.132.826.192
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	37.887.395.120	46.251.397.476
- Số cuối kỳ	129.491.104.677	164.384.223.668

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Tình hình biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024				
- Ngày 01/01/2024	225.152.294.800	75.306.394	(1.234.101.950)	223.993.499.244
- Phát sinh trong kỳ	-	-	6.579.717.000	6.579.717.000
- Ngày 30/06/2024	225.152.294.800	75.306.394	5.345.615.050	230.573.216.244
B Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025				
- Ngày 01/01/2025	359.600.500.000	1.825.756.342	1.863.084.601	363.289.340.943
- Phát sinh trong kỳ	-	-	8.038.162.575	8.038.162.575
- Ngày 30/06/2025	359.600.500.000	1.825.756.342	9.901.247.176	371.327.503.518

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2025 ĐẾN 30/6/2025

ĐVT: Đồng

Từ 01/01/2025
đến 30/6/2025Từ 01/01/2024
đến 30/6/2024**33. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu bán hàng hóa	9.640.724.257.364	9.866.549.492.633
- Doanh thu bán các thành phẩm	418.563.461.083	185.594.062.633
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	167.286.683.876	204.203.879.289
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	44.729.260.991	31.838.303.881
- Doanh thu khác	2.084.267.863	364.030.954
- Cộng Doanh thu thuần	10.273.387.931.177	10.288.549.769.390

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

34. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.315.766.970.084	9.596.897.914.803
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	432.660.850.396	178.967.803.148
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	110.213.223.340	145.357.330.387
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	17.253.485.764	7.449.076.811
Cộng	9.875.894.529.584	9.928.672.125.149

35. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.868.628.112	4.594.761.831
- Lãi chênh lệch tỷ giá	11.291.054.572	10.351.095.352
- Chiết khấu thanh toán	118.810.010	1.526.671.493
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	192.113.003
Cộng	22.278.492.694	16.664.641.679

36. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	109.126.371.859	93.730.370.485
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.560.071.167	32.648.279.751
Cộng	144.686.443.026	126.378.650.236

37. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	11.280.074.485	6.054.618.828
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	2.253.558.013	984.098.743
Cộng	13.533.632.498	7.038.717.571

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

38. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí nhân viên bán hàng	45.566.259.242	35.951.535.259
- Chi phí vật liệu, bao bì	708.430.356	941.560.588
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	711.259.377	775.135.468
- Chi phí khấu hao TSCĐ	20.279.758.306	19.974.356.006
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.941.856.908	45.181.797.504
- Chi phí bằng tiền khác	47.487.378.012	52.846.705.905
Cộng	147.694.942.201	155.671.090.730

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	26.251.505.426	21.679.599.061
- Chi phí vật liệu quản lý	408.994.411	456.246.721
- Chi phí đồ dùng văn phòng	851.108.554	218.977.854
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.554.222.949	3.564.086.897
- Thuế, phí và lệ phí	480.256.419	62.017.692
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.265.443.535	7.883.438.178
- Chi phí bằng tiền khác	12.031.954.542	15.271.597.043
Cộng	89.843.485.836	49.135.963.446

40. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ, CCDC	3.955.723.905	6.415.261.043
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	348.527.554	383.788.264
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	1.933.453.243	2.828.891.352
Cộng	6.237.704.702	9.627.940.659

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

41. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.899.753.343	755.567.366
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	1.810.372.982	2.306.485.611
Cộng	4.710.126.325	3.062.052.977

42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.608.234.099	58.961.186.761
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	4.738.840.673	819.120.089
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(17.415.417.975)	(7.179.630.336)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(6.649.840.583)	(21.950.315.083)
- Tổng Thu nhập tính thuế	33.281.816.214	30.650.361.431
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	6.656.363.243	6.130.072.285
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	26.313.161	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.682.676.404	6.130.072.285

43. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	555.435.319	755.104.199
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(43.072.755)	(117.767.184)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.752.127.128	4.044.571.731
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	773.672.883	1.897.808.254
Cộng	8.038.162.575	6.579.717.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

44. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	37.887.395.120	46.251.397.476
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(1.798.017.992)	(2.699.888.755)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.089.377.128	43.551.508.721
- Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	236.579.900	236.579.900
- Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	153	184

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Giao dịch với các bên liên quan:

- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng thu nhập từ tiền lương, thù lao	1.850.807.693	1.879.807.693

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	201.727.315.063	1.984.713.947.087	1.773.945.651.866	412.495.610.284
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	(23.770.187.160)	39.269.550.313	17.536.126.272	(2.036.763.119)
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	-	1.626.000	1.626.000	-
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	7.116.450	53.204.500	52.154.550	8.166.400
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	6.357.631.998	6.357.631.998	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	661.620.000	661.620.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	5.971.821.000	84.266.721.395	90.230.064.395	8.478.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	1.482.546.466	87.834.966.769	88.250.778.973	1.066.734.262
Cộng	185.418.611.819	2.203.159.268.062	1.977.035.654.054	411.542.225.827

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	9.961.780.345	133.054.480	10.094.834.825	-
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	166.431.429.235	171.230.800.000	629.235
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	7.033.670.043	-	7.033.670.043	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	48.900.000.000	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	198.578.085.455	137.073.535.455	61.504.550.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	3.743.327.000	3.743.327.000	-
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	-	18.668.600	18.668.600	-
Cộng	21.795.450.388	417.804.564.770	329.194.835.923	110.405.179.235

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải trả trong kỳ	Đã trả/ giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	4.736.710.174	60.863.740.096	59.708.163.133	5.892.287.137
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	-	260.000.000	260.000.000	-
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	22.822.000	85.718.000	97.475.000	11.065.000
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	4.821.900.000	4.821.900.000	-
Cộng	11.759.532.174	66.031.358.096	64.887.538.133	12.903.352.137

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ **Theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.057.541.979.291	42.983.761.721	172.862.190.165	10.273.387.931.177
- Giá vốn hàng bán	(9.747.609.767.280)	(17.129.969.130)	(111.154.793.174)	(9.875.894.529.584)
- Lợi nhuận gộp	309.932.212.011	25.853.792.591	61.707.396.991	397.493.401.593
- Doanh thu HĐ tài chính	7.828.251	-	22.270.664.443	22.278.492.694
- Chi phí tài chính	(105.449.890.221)	(8.999.199.107)	(30.237.353.698)	(144.686.443.026)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	13.533.632.498	13.533.632.498
- Chi phí bán hàng	(128.193.406.594)	(10.350.997.181)	(9.150.538.426)	(147.694.942.201)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65.717.380.890)	(5.506.913.224)	(18.619.191.722)	(89.843.485.836)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	10.579.362.557	996.683.079	39.504.610.086	51.080.655.722
- Thu nhập khác	236.367.702	-	6.001.337.000	6.237.704.702
- Chi phí khác	(268.548.061)	-	(4.441.578.264)	(4.710.126.325)
- Lợi nhuận khác	(32.180.359)	-	1.559.758.736	1.527.578.377
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.547.182.198	996.683.079	41.064.368.822	52.608.234.099
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(741.071.062)	-	(5.941.605.342)	(6.682.676.404)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.806.111.136	996.683.079	35.122.763.480	45.925.557.695



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.063.338.108.969	30.361.762.881	194.849.897.540	10.288.549.769.390
- Giá vốn hàng bán	(9.787.853.297.219)	(7.267.203.908)	(133.551.624.022)	(9.928.672.125.149)
- Lợi nhuận gộp	275.484.811.750	23.094.558.973	61.298.273.518	359.877.644.241
- Doanh thu HĐ tài chính	-	-	16.664.641.679	16.664.641.679
- Chi phí tài chính	(92.422.351.566)	(7.946.851.053)	(26.009.447.617)	(126.378.650.236)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	7.038.717.571	7.038.717.571
- Chi phí bán hàng	(132.578.776.982)	(9.172.353.807)	(13.919.959.941)	(155.671.090.730)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(30.386.836.379)	(2.451.833.547)	(16.297.293.520)	(49.135.963.446)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	20.096.846.823	3.523.520.566	28.774.931.690	52.395.299.079
- Thu nhập khác	-	-	9.627.940.659	9.627.940.659
- Chi phí khác	-	-	(3.062.052.977)	(3.062.052.977)
- Lợi nhuận khác	-	-	6.565.887.682	6.565.887.682
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.096.846.823	3.523.520.566	35.340.819.372	58.961.186.761
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(945.455.338)	-	(5.184.616.947)	(6.130.072.285)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.151.391.485	3.523.520.566	30.156.202.425	52.831.114.476

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2025 sau đây:

- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 182/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 134/2016/ NĐ-CP ngày 01/9/2016, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

